



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính đã được soát xét cho 6 tháng đầu năm 2014

Kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04-04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả kinh doanh	08-08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-29



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2014, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798 (thay đổi lần 8 ngày 02/04/2013) với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được thay đổi qua các năm như sau:

Thay đổi lần thứ 1 ngày 01/07/2002 với vốn điều lệ là 11.204.100.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 2 ngày 05/05/2003 với vốn điều lệ là 12.324.510.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2004 với vốn điều lệ là 12.816.970.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2005 với vốn điều lệ là 13.360.610.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ là 14.354.790.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2009 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 7 ngày 25/05/2010 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 8 ngày 02/04/2013 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Các lần thay đổi vốn điều lệ đều được Công ty đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 04 năm 2013 là 15.207.710.000; trong đó, vốn của các cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Vốn Nhà nước (UBND tỉnh Bình Dương) do ông Mai Văn Chánh làm đại diện là 456.897 cổ phần tương đương 4.568,97 triệu đồng;
- Ông Huỳnh Thanh Sơn nắm giữ 15.234 cổ phần tương đương 152,34 triệu đồng;
- Ông Nguyễn Tiến Trãi nắm giữ 7.700 cổ phần tương đương 77,00 triệu đồng;
- Ông Trần Văn Áng nắm giữ 6 cổ phần tương đương 0,06 triệu đồng;
- Ông Mai Văn Chánh nắm giữ 53.349 cổ phần tương đương 533,49 triệu đồng;
- Ông Hồ Văn Một nắm giữ 5 cổ phần tương đương 0,05 triệu đồng;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Giám đốc công ty.

Trụ sở của Công ty : Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại : 0650.3749 080

Fax: 0650.3749 287

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX Dĩ An, Bình Dương

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác nguyên liệu phi quặng, sét, cao lanh;
- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Trồng cây cao su.

Các sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 22/NK04/NQ-HĐQT ngày 15/07/2014, Công ty sẽ ngưng sản xuất gạch ngói kể từ ngày 15/08/2014. Theo đó, công ty đã lên phương án sắp xếp lại lao động và số tiền phải chi trả trợ cấp mất việc cho người lao động ước tính là 2.068.000.000 đồng. Chi phí này sẽ được ghi nhận khi phát sinh.

Đồng thời, Công ty cũng đang tích cực triển khai các nội dung khác của Nghị quyết này.

Ngoài các sự kiện nêu trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	27/04/2013	
- Ông Nguyễn Thiện Trí Hùng	Việt Nam	Chủ tịch	24/03/2012	27/04/2013
- Bà Lâm Thị Mai	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	
- Ông Lê Văn Phúc	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	
- Ông Nguyễn Ngọc Nui	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	

Ban giám đốc Công ty :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Ngọc Nui	Việt Nam	Giám đốc	04/03/2013	
- Ông Trương Văn Hiên	Việt Nam	Phó giám đốc	01/01/2014	

Ban kiểm soát :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	24/03/2012	(Tái bổ nhiệm)
- Bà Phan Thị Thuyền Hương	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	(Tái bổ nhiệm)
- Ông Nguyễn Thanh Dũng	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Việt Nam	01/06/2006
--------------------------	----------	------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014
Thay mặt HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI VĂN CHÁNH

Số: 454/BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp
Cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 14/08/2014, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo đúng chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2014

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**

Tổng Giám Đốc**Đỗ Khắc Thanh****Kiểm toán viên****Tạ Quang Tạo**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		41.765.088.870	40.919.174.611
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	10.798.901.202	7.107.863.622
1. Tiền	111		1.598.901.202	607.863.622
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.200.000.000	6.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	23.616.559.411	23.659.494.350
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.666.991.579	23.742.270.380
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(50.432.168)	(82.776.030)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.610.362.144	3.332.411.495
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.3	653.028.182	3.073.114.361
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	425.000.000	77.237.500
5. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	1.557.333.962	207.059.634
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	VI.6	(25.000.000)	(25.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	4.586.155.993	6.797.000.144
1. Hàng tồn kho	141		4.640.138.521	7.342.151.748
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53.982.528)	(545.151.604)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		153.110.120	22.405.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		107.408.120	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.8	45.702.000	22.405.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		6.694.754.048	6.450.849.088
II. Tài sản cố định	220		6.107.283.148	5.950.568.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	3.477.909.616	3.388.606.645
- Nguyên giá	222		11.699.712.678	11.631.473.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.221.803.062)	(8.242.866.726)
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	2.327.893.054	2.358.314.914
- Nguyên giá	228		2.859.654.747	2.859.654.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(531.761.693)	(501.339.833)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		301.480.478	203.647.070
V. Tài sản dài hạn khác	260		587.470.900	500.280.459
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.11	587.470.900	500.280.459
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		48.459.842.918	47.370.023.699

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.367.520.585	10.594.258.813
I. Nợ ngắn hạn	310		9.136.506.530	10.559.525.702
2. Phải trả cho người bán	312	VI.12	5.323.278.117	6.962.190.347
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.13	737.557.371	663.091.099
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.14	1.083.561.231	1.198.962.379
5. Phải trả người lao động	315		640.580.880	1.009.671.100
6. Chi phí phải trả	316	VI.15	442.921.094	232.348.128
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.16	465.205.666	81.926.565
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		443.402.171	411.336.084
II. Nợ dài hạn	330		231.014.055	34.733.111
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		231.014.055	34.733.111
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		39.092.322.333	36.775.764.886
I. Vốn chủ sở hữu	410		39.092.322.333	36.775.764.886
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.17	15.207.710.000	15.207.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		199.951.321	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	VI.17	(83.818.071)	(1.245.577.870)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	VI.17	19.040.420.640	15.018.734.844
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	VI.17	-	3.638.015.179
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	VI.17	4.728.058.443	4.156.882.733
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		48.459.842.918	47.370.023.699

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Kế toán trưởng

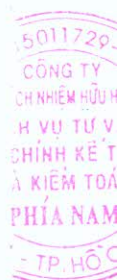
Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG



NGUYỄN NGỌC NUI



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18	57.074.602.941	39.781.924.251
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		57.074.602.941	39.781.924.251
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	48.964.069.189	35.205.536.153
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.110.533.752	4.576.388.098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	1.153.468.369	1.282.295.347
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	(8.689.708)	(35.836.300)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.22	3.100.746.831	2.343.305.661
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.23	1.299.693.566	2.031.051.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.872.251.432	1.520.162.145
11. Thu nhập khác	31	VI.24	373.134.860	-
12. Chi phí khác	32	VI.25	376.912.941	10.881.000
13. Lợi nhuận khác	40		(3.778.081)	(10.881.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.868.473.351	1.509.281.145
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	874.105.593	311.801.675
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		196.280.944	64.048.611
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.798.086.814	1.133.430.859
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.28	5.172	770

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC NUI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.868.473.351	1.509.281.145
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.6,7	364.222.888	301.257.975
- Các khoản dự phòng	03		(523.512.938)	30.029.816
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.153.468.369)	(1.282.295.347)
- Chi phí Lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.555.714.932	558.273.589
- Tăng/giảm Các khoản phải thu	09		698.752.351	(896.672.316)
- Tăng/giảm Hàng tồn kho	10		2.210.844.151	2.390.611.327
- Tăng/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.339.635.899)	1.437.553.656
- Tăng/giảm Chi phí trả trước	12		(194.598.561)	(463.380.460)
- Tiền Lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(989.554.953)	(412.777.837)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.364.016.263	78.133.489
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(622.996.020)	(256.509.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.682.542.264	2.435.231.548
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(439.623.102)	(328.974.749)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		373.134.860	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		75.278.801	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		261.282.257	1.026.100.903
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		270.072.816	697.126.154



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		945.440.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.207.017.500)	(1.985.879.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.261.577.500)	(1.985.879.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.691.037.580	1.146.478.352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	VI.1	7.107.863.622	3.098.914.984
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	10.798.901.202	4.245.393.336

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC NUI

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798 (thay đổi lần 8 ngày 02/04/2013) với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được thay đổi qua các năm như sau:

Thay đổi lần thứ 1 ngày 01/07/2002 với vốn điều lệ là 11.204.100.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 2 ngày 05/05/2003 với vốn điều lệ là 12.324.510.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2004 với vốn điều lệ là 12.816.970.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2005 với vốn điều lệ là 13.360.610.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ là 14.354.790.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2009 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 7 ngày 25/05/2010 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 8 ngày 02/04/2013 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Các lần thay đổi vốn điều lệ đều được Công ty đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

- **Ngành, nghề kinh doanh :** Khai thác nguyên vật liệu phi quặng, sét, cao lanh. Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại. Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác, Trồng cây cao su.

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại và sản xuất đá xây dựng.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. DT An, Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10-Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái được Bộ Tài chính ban hành kèm theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục nêu trên được ghi nhận ngay vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày lập báo cáo tài chính

Theo quy định của Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 do Bộ tài chính ban hành để xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả tại thời điểm cuối năm được đánh giá theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Tuy nhiên do hầu hết các giao dịch trong năm của Công ty được thực hiện bằng VND, số dư ngoại tệ của Công ty là 0 USD nên việc lựa chọn phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá theo thông tư 179/2012/TT-BTC hay theo Chuẩn mực kế toán số 10 đều không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty.

2. Chính sách các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. DT An, Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Đơn vị không tiến hành kiểm kê đất sét và than tồn kho tại thời điểm 30/06/2014.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

5.3. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4-25	năm
- Máy móc, thiết bị	5-10	năm
- Thiết bị văn phòng	5- 8	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Quyền sử dụng đất	49	năm

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

6.1. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6.2. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

6.2.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.2.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

10. Nguồn vốn chủ sở hữu

10.1. Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại : Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

10.2. Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10.3. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho cổ đông.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

11.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Tráng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

11.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	240.677.441	362.233.194
Tiền gửi ngân hàng	1.358.223.761	245.630.428
Các khoản tương đương tiền (*)	9.200.000.000	6.500.000.000
Cộng	10.798.901.202	7.107.863.622
(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	9.100.000.000	6.500.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	100.000.000	-
Cộng	9.200.000.000	6.500.000.000
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (12 tháng)	23.500.000.000	23.500.000.000
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	166.991.579	242.270.380
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	(50.432.168)	(82.776.030)
Cộng	23.616.559.411	23.659.494.350

(*) Chi tiết chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán :

Tên công ty	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ 30/06/2014	Giá trị thị trường 30/06/2014	Dự phòng giảm giá chứng khoán
Cty Cp nhựa Tiền Phong	NTP	2.080	88.309.111	109.200.000	-
Cty Bông Bạch Tuyết	BBT	1.300	25.613.875	13.000.000	(12.613.875)
Cty KS Lâm Đồng	LBM	680	25.722.275	9.520.000	(16.202.275)
Cty Cp Sông Đà 9	SD9	50	500.000	650.000	-
Cty XK Lao Động	ILC	500	25.480.000	5.000.000	(20.480.000)
Cty CK Hải Phòng	HPC	47	1.366.318	230.300	(1.136.018)
Cộng		4.657	166.991.579	137.600.300	(50.432.168)

3. Phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản phải thu các nhà phân phối	272.476.374	3.072.552.031
Khoản phải thu của các đại lý	341.403.227	160.065
Các khách hàng khác	39.148.581	402.265
Cộng	653.028.182	3.073.114.361

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước nhà cung cấp - xây dựng cơ bản	125.000.000	39.700.000
Trả trước nhà cung cấp - mua nguyên vật liệu	300.000.000	-
Trả trước khác	-	37.537.500
Cộng	425.000.000	77.237.500

(*) Các khoản trả trước đã được xác nhận nợ tại ngày 30/06/2014

5. Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	6.494.106	2.200.686
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	1.050.063.888	157.877.777
Ông Huỳnh Văn Reo	25.000.000	25.000.000
Các khoản khác	475.775.968	21.981.171
Cộng	1.557.333.962	207.059.634

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Huỳnh Văn Reo	(25.000.000)	(25.000.000)
Cộng	(25.000.000)	(25.000.000)

7. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	774.308.646	2.754.226.907
Công cụ dụng cụ	22.440.647	28.732.232
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	267.023.471	489.746.219
Thành phẩm tồn kho	3.537.615.053	4.069.446.390
Hàng hóa tồn kho	38.750.704	-
Cộng	4.640.138.521	7.342.151.748
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(53.982.528)	(545.151.604)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	4.586.155.993	6.797.000.144

8. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	45.702.000	22.405.000
Cộng	45.702.000	22.405.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện Vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	6.038.781.065	5.030.389.031	526.071.795	36.231.480	11.631.473.371
Tăng trong kỳ	423.103.999	-	-	-	423.103.999
Giảm trong kỳ	354.864.692	-	-	-	354.864.692
Số cuối năm	6.107.020.372	5.030.389.031	526.071.795	36.231.480	11.699.712.678
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.263.565.712	3.658.113.954	284.955.580	36.231.480	8.242.866.726
Tăng trong năm	157.275.856	150.221.580	26.303.592	-	333.801.028
Giảm trong năm	354.864.692	-	-	-	354.864.692
Số cuối năm	4.065.976.876	3.808.335.534	311.259.172	36.231.480	8.221.803.062
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.775.215.353	1.372.275.077	241.116.215	-	3.388.606.645
Số cuối năm	2.041.043.496	1.222.053.497	214.812.623	-	3.477.909.616

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm cuối kỳ và đầu kỳ lần lượt là : 5.259.347.179 đồng và 5.407.127.914 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình nào đang chờ thanh lý vào thời điểm cuối năm;

Không có tài sản cố định hữu hình nào được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay;

Không có cam kết nào về việc mua bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện;

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.859.654.747	2.859.654.747
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.859.654.747	2.859.654.747
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	501.339.833	501.339.833
Tăng trong năm	30.421.860	30.421.860
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	531.761.693	531.761.693
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.358.314.914	2.358.314.914
Số cuối năm	2.327.893.054	2.327.893.054

(*) Năm 2003, Công ty được UBND tỉnh Bình Dương cho thuê 21.702,20 m² đất với thời hạn 49 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 23/7/2003), là khuôn viên của Văn phòng và nhà xưởng sản xuất gạch ngói hiện nay của Công ty. Tháng 10/2005, theo yêu cầu của Công ty, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương chấp thuận chuyển hình thức thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, không điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, tiền sử dụng đất là 2.859.654.747 đ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm, kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
11. Chi phí trả trước dài hạn			
Dụng cụ văn phòng		16.670.658	25.115.805
Sửa chữa nhà xưởng, thiết bị		296.468.162	106.980.538
Chi phí sửa chữa lò Tuynel		274.332.080	368.184.116
Cộng		587.470.900	500.280.459
12. Phải trả cho người bán		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán - xây đá gia công		911.920.640	953.262.480
Phải trả người bán - mua nguyên vật liệu		3.694.115.630	5.948.382.516
Các dịch vụ khác		717.241.847	60.545.351
Cộng		5.323.278.117	6.962.190.347
13. Người mua trả tiền trước		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước mua thành phẩm		737.557.371	663.091.099
Cộng		737.557.371	663.091.099
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp		284.126.631	242.528.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp		715.062.648	830.512.008
Thuế thu nhập cá nhân		84.371.952	125.921.465
Cộng		1.083.561.231	1.198.962.379
15. Chi phí phải trả		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí gia công đá xây dựng		376.258.699	107.445.128
Khác		66.662.395	124.903.000
Cộng		442.921.094	232.348.128
16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý		34.022.391	34.022.391
Kinh phí công đoàn		23.784.720	25.556.454
Các khoản khác		407.398.555	22.347.720
- Nhận đặt cọc bán thanh lý đất sét		385.000.000	-
- Phải trả cho CBCNV trợ cấp từ BHXH		19.518.800	19.518.800
- Các khoản khác		2.879.755	2.828.920
Cộng		465.205.666	81.926.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Năm trước					
Số dư đầu năm trước	15.207.710.000	(1.245.577.870)	15.018.734.844	3.399.100.479	3.839.304.260
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm trước	-	-	-	-	4.778.293.073
-Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	4.460.714.600
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	238.914.700	238.914.700
+ Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	3.531.228.000
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	476.171.500
+ Các khoản khác	-	-	-	-	214.400.400
Số dư cuối năm trước	15.207.710.000	(1.245.577.870)	15.018.734.844	3.638.015.179	4.156.882.733
Năm nay					
Số dư đầu năm nay	15.207.710.000	(1.245.577.870)	15.018.734.844	3.638.015.179	4.156.882.733
- Tăng cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
- Giảm cổ phiếu quỹ	-	1.161.759.799	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm nay	-	-	-	-	3.798.086.814
-Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	3.226.911.104
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	4.021.685.796	(3.638.015.179)	383.670.617
+ Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	2.207.017.500
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	406.020.617
+ Các khoản khác (Thù lao HĐQT, BKS, thưởng ban điều hành)	-	-	-	-	230.202.370
Số dư cuối kỳ này	15.207.710.000	(83.818.071)	19.040.420.640	-	4.728.058.443

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của nhà nước	4.568.970.000	4.568.970.000	4.568.970.000	4.568.970.000
-Vốn góp của cổ đông khác	10.605.480.000	10.605.480.000	10.144.480.000	10.144.480.000
-Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
-Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	33.260.000	33.260.000	494.260.000	494.260.000
	15.207.710.000	15.207.710.000	15.207.710.000	15.207.710.000

Công ty không phát hành trái phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp đầu năm	15.207.710.000	15.207.710.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.207.710.000	15.207.710.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.207.017.500	2.059.883.000

Cổ phiếu :	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.520.771 cổ phần	1.520.771 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.520.771 cổ phần	1.520.771 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	1.520.771 cổ phần	1.520.771 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	3.326 cổ phần	49.426 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	3.326 cổ phần	49.426 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.517.445 cổ phần	1.471.345 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	1.517.445 cổ phần	1.471.345 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Doanh thu sản xuất gạch ngói	10.724.589.683	5.822.739.970
Doanh thu sản xuất đá xây dựng	42.606.394.553	33.240.020.184
Doanh thu hàng hoá	2.642.750.436	-
Doanh thu khác	1.100.868.269	719.164.097
Cộng	57.074.602.941	39.781.924.251

Trong kỳ đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

19. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Hoạt động sản xuất gạch ngói	9.979.225.319	6.624.120.921
Hoạt động sản xuất đá xây dựng	36.082.421.792	27.977.862.989
Giá vốn bán hàng hoá	2.034.725.276	-
Hoạt động khác	867.696.802	603.552.243
Cộng	48.964.069.189	35.205.536.153

20. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.324.480	985.482.015
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	1.050.063.889	290.933.332
Cổ tức	3.080.000	5.880.000
Cộng	1.153.468.369	1.282.295.347

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho 6 tháng đầu năm, kết thúc ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

21. Chi phí tài chính	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán ngắn hạn	(32.343.862)	(35.836.300)
Khác	23.654.154	-
Cộng	(8.689.708)	(35.836.300)
22. Chi phí bán hàng	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Chi phí nhân viên bán hàng	236.010.684	133.300.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.697.471.903	2.027.510.518
Chi phí bằng tiền khác	167.264.244	182.494.272
Cộng	3.100.746.831	2.343.305.661
23. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Chi phí nhân viên quản lý	775.190.950	419.477.648
Chi phí vật liệu quản lý	18.144.273	17.343.231
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.167.501	6.903.986
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.841.524	34.902.132
Thuế, phí và lệ phí	46.487.347	8.918.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	327.611.958	6.895.722
Chi phí bằng tiền khác	85.250.013	1.536.611.054
Cộng	1.299.693.566	2.031.051.939
24. Thu nhập khác	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Thanh lý tài sản cố định	222.910.732	-
Thanh lý đất, sét	139.716.500	-
Xử lý sản phẩm thừa	10.507.628	-
Cộng	373.134.860	-
25. Chi phí khác	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Chi phí tháo dỡ tài sản cố định	72.701.419	-
Chi phí bán đất sét thanh lý	304.211.522	-
Chi phí huỷ sản phẩm bị lỗi	-	10.881.000
Cộng	376.912.941	10.881.000
26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Chi phí nguyên liệu vật liệu	33.190.836.655	25.058.781.681
Chi phí nhân công	3.564.814.280	3.225.949.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.562.642.521	241.070.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.005.658.158	7.513.856.117
Chi phí khác bằng tiền	1.021.321.918	1.331.944.502
Cộng	51.345.273.532	37.371.602.046

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

27. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.868.473.351	1.509.281.145
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(892.186.111)	(256.194.444)
Chênh lệch vĩnh viễn : Tăng (+), Giảm (-)	-	-
Chênh lệch tạm thời : Tăng (+), Giảm (-)	(892.186.111)	(256.194.444)
Tổng thu nhập chịu thuế	3.976.287.240	1.253.086.701
Thu nhập miễn thuế	(3.080.000)	(5.880.000)
Thu nhập tính thuế	3.973.207.240	1.247.206.701
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	874.105.593	311.801.675
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	874.105.593	311.801.675

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

28.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.798.086.814	1.133.430.859
Số cổ phiếu bình quân lưu hành (*)	734.288	1.471.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.172	770

VII. Thông tin về công cụ tài chính**1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.798.901.202	7.107.863.622
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.500.000.000	23.500.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	116.559.411	159.494.350
Phải thu khách hàng	653.028.182	3.073.114.361
Các khoản phải thu khác	1.603.035.962	229.464.634
Cộng	36.671.524.757	34.069.936.967
Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	5.323.278.117	6.962.190.347
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	-	-
Phải trả người lao động	640.580.880	1.009.671.100
Chi phí phải trả	442.921.094	232.348.128
Các khoản phải trả khác	465.205.666	81.926.565
Cộng	6.871.985.757	8.286.136.140

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

2. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty bán hàng theo các phương thức sau: bán hàng thông qua nhà phân phối, bán hàng qua đại lý, trực tiếp bán tại văn phòng Công ty.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên về vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng. Một số trường hợp đặc biệt sẽ do giám đốc xem xét và quyết định

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	5.323.278.117	-	-	5.323.278.117
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người lao động	640.580.880	-	-	640.580.880
Chi phí phải trả	442.921.094	-	-	442.921.094
Các khoản phải trả khác	465.205.666	-	-	465.205.666
Cộng	6.871.985.757	-	-	6.871.985.757
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	6.962.190.347	-	-	6.962.190.347
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người lao động	1.009.671.100	-	-	1.009.671.100
Chi phí phải trả	232.348.128	-	-	232.348.128
Các khoản phải trả khác	81.926.565	-	-	81.926.565
Cộng	8.286.136.140	-	-	8.286.136.140

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

VIII. Những thông tin khác**1. Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Tiền lương, tiền thưởng	367.458.867	154.040.800
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	249.380.333	25.202.600
Cộng	616.839.200	179.243.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan với Công ty gồm :

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên	Cổ đông lớn
Vật liệu Xây dựng Bình Dương	

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Công ty TNHH Một thành viên	Phải thu tiền bán sản phẩm	18.004.253.144	13.473.719.107
Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Đã thu tiền bán sản phẩm	20.769.511.897	12.446.725.125
	Phải trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	33.161.439.676	13.473.719.107
	Đã trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	29.820.211.971	1.160.396.113

Tại ngày 30/06/2014, số dư công nợ với Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung công nợ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên	Phải thu tiền bán sản phẩm	108.000.000	2.873.258.753
Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Phải trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	3.490.138.630	148.910.925

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất gạch ngói xây dựng
- Chế biến, kinh doanh đá xây dựng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Chế biến, kinh doanh đá xây dựng	Kinh doanh cát xây dựng và dịch vụ	Cộng
2.1. 6 tháng đầu năm 2014				
2.1.1 Kết quả kinh doanh bộ phận				
Kết quả kinh doanh bộ phận				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.724.589.683	42.606.394.553	3.743.618.705	57.074.602.941
Giá vốn hàng bán	9.979.225.319	36.082.421.792	2.902.422.078	48.964.069.189
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	745.364.364	6.523.972.761	841.196.627	8.110.533.752
2.1.2 Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
- Chi phí khấu hao	286.576.292	47.224.736	-	333.801.028
- Chi phí trả trước dài hạn	195.677.969	-	-	195.677.969
2.1.3. Tài sản bộ phận tại ngày 30/06/2014				
- Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ				
Nguyên giá	10.980.270.399	719.442.279	-	11.699.712.678
Hao mòn lũy kế	8.076.291.362	145.511.700	-	8.221.803.062
Giá trị còn lại	2.903.979.037	573.930.579	-	3.477.909.616
2.2. 6 tháng đầu năm 2013				
2.2.1 Kết quả kinh doanh bộ phận				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.822.739.970	33.240.020.184	719.164.097	39.781.924.251
Giá vốn hàng bán	6.624.120.921	27.977.862.989	603.552.243	35.205.536.153
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(801.380.951)	5.262.157.195	115.611.854	4.576.388.098
2.2.2. Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
- Chi phí khấu hao	247.219.601	23.616.514	-	270.836.115
- Chi phí trả trước dài hạn	257.501.353	-	-	257.501.353
2.2.3. Tài sản bộ phận tại ngày 30/06/2013				
- Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ				
Nguyên giá	11.611.778.277	759.297.456	-	12.371.075.733
Hao mòn lũy kế	8.533.853.079	373.299.994	-	8.907.153.073
Giá trị còn lại	3.077.925.198	385.997.462	-	3.463.922.660

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

IX. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 22/NK04/NQ-HĐQT ngày 15/07/2014, Công ty sẽ ngưng sản xuất gạch ngói kể từ ngày 15/08/2014. Theo đó, công ty đã lên phương án sắp xếp lại lao động và số tiền phải chi trả trợ cấp mất việc cho người lao động ước tính là 2.068.000.000 đồng. Chi phí này sẽ được ghi nhận khi phát sinh.

Đồng thời, Công ty cũng đang tích cực triển khai các nội dung khác của Nghị quyết này.

Ngoài các sự kiện nêu trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

X. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 đã được soát xét.

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

Bình Dương, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC NUI